**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **% Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể loại, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy).  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Xác định các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của từ láy được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày ý kiến về hành động của các nhân vật.  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***15 +5*** | ***25+15*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 6 - Thời gian: 90 phút.**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm).**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

*Bà kiến đã già, một mình ở trong cái tổ nhỏ dưới mô đất, vừa chật hẹp, vừa ẩm ướt. Mấy hôm nay, bà đau ốm cứ rên hừ hừ. Ðàn kiến con đi tha mồi, qua nhà bà kiến, nghe tiếng bà rên liền chạy vào hỏi thăm:*

*– Bà ơi, bà làm sao mà kêu rên vậy?*

*– Ôi cái bệnh đau khớp nó hành hạ bà khổ quá đi mất! Nhà bà ở đây lại ẩm ướt, thiếu ánh nắng, khó chịu lắm các cháu ạ!*

*Ðàn kiến con vội nói:*

*– Thế thì để chúng cháu đưa bà đi sưởi nắng nhé!*

*Một con kiến đầu đàn chỉ huy đàn kiến con, tha về một chiếc lá đa vàng mới rụng, cả đàn xúm vào dìu bà ngồi lên chiếc lá đa, rồi lại cùng ghé vai khiêng chiếc lá đến chỗ đầy ánh nắng và thoáng mát. Bà kiến cảm thấy thật khoan khoái, dễ chịu.*

(Trích truyện *Đàn kiến con ngoan ngoãn*, Tiếng Việt 1, Tập 1, sách Kết nối tri thức, NXBGD 2020)

**Câu 1: Đoạn trích trên thuộc thể loại nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Truyện cổ tích 2. Truyện đồng thoại | 1. Truyện truyền thuyết 2. Truyện ngắn |

**Câu 2: Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ngôi thứ nhất 2. Ngôi thức 2 | 1. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3 2. Ngôi thứ 3 |

**Câu 3**: **Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Bà kiến già 2. Đàn kiến con | 1. Bà kiến già và đàn kiến con 2. Chiếc lá đa |

**Câu 4: Đoạn trích trên sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ nhân hóa đúng hay sai?**

A. Sai B. Đúng

**Câu 5: Chi tiết “đưa bà kiến già đi sưởi nắng” thể hiện phẩm chất gì của đàn kiến con?**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Quan tâm, giúp đỡ 2. Thông minh, lanh lẹ | 1. Năng động hoạt bát 2. Nhiệt tình chăm chỉ |

**Câu 6:** **Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau: Đoạn trích thể hiện tình cảm, cảm xúc …của tác giả đối với loài vật.**

A. Kính trọng B. Quan tâm C. Tự hào D. Trân trọng

**Câu 7: Câu nào sau đây nói đúng chủ đề của đoạn trích?**

A. Đoạn trích thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

B. Đoạn trích thể hiện tình cảm sâu sắc của đàn kiến.

C. Đoạn trích thể hiện tinh thần đoàn kết của đàn kiến.

D. Đoạn trích thể hiện sự ngưỡng mộ của bà kiến già đối với đàn kiến con.

**Câu 8: Từ láy *hừ hừ* trong câu: *“Mấy hôm nay, bà đau ốm cứ rên hừ hừ”* có tác dụng gì?**

A. Gợi tả hành động của bà kiến. B. Gợi tả hình dáng của bà kiến.

C. Gợi tả tiếng rên của bà kiến. D. Gợi tả cảm xúc của bà kiến.

**Câu 9: Trình bày ý kiến của em về hành động của đàn kiến con?**

**Câu 10: Qua việc làm của đàn kiến con em rút ra được bài học gì trong cuộc sống?**

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm).**

Trong cuộc sống, trải nghiệm, đặc biệt là những trải nghiệm với người thân đã đem đến cho mỗi người rất nhiều cảm xúc, bài học quý giá. Em hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em với mẹ hoặc người thân.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 ĐIỂM).**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1-8 | 1B 2D 3C 4B 5A 6D 7A 8C | 4,0 |
| 9 | HS trình bày được ý kiến của mình. | 1,0 |
| 10 | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lý giải được lý do nêu bài học ấy. | 1,0 |

**II. VIẾT (4.0 ĐIỂM).**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
| *2. Xác định đúng yêu cầu của đề*. | 0,25 |
| Kể về một trải nghiệm của em cùng mẹ hoặc người thân |  |
| *3. Kể lại trải nghiệm*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm với mẹ hoặc với người thân.  - Các sự kiện chính của trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Bài học, cảm xúc sau khi kết thúc trải nghiệm. | 3.0 |
| *4. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
| *5. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0.25 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*